

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91/2021/DS-PT

Ngày 29 – 4 – 2021

V/v tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và chia thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28, 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo, bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn :

1. Bà Võ Yến L1, sinh năm 1965 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh C ..

Chỗ ở hiện nay: Đường Âu Cơ, khóm 4, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Chị Võ Mai P1, sinh năm 2004 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh C ..

3. Chị Võ Phương T1, sinh năm 1991 (Vắng mặt);

Địa chỉ: số 225, Bùi Hữu Nghĩa, phường 1, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Chị Võ Huyền T3, sinh năm 1988 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 1, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T1, chị T3: Bà Võ Yến L1.

- *Bị đơn:*

1. Bà Ngô Thị V, sinh năm 1965 (Có mặt);

2. Anh Võ Hải D1, sinh năm 1988 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Rầy Mới, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Hồng H, sinh năm 1968 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh C..

2. Ông Võ Văn D2, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C..

3. Bà Võ Thị Cà L2, sinh năm 1954 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện P, tỉnh C .

4. Bà Võ Hoa S, sinh năm 1969 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện P, tỉnh C .

5. Ông Võ Văn T2, sinh năm 1944 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Thọ Mai, xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông D2, bà L2, bà S, ông T2: Bà Võ Hồng H, sinh năm 1968 địa chỉ: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh C. (Có mặt).

6. Anh Võ Hải A (Vắng mặt);

7. Chị Võ Ngọc P2 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện T tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Bà Ngô Thị V, anh Võ Hải D1, là bị đơn; bà Võ Hồng H, ông Võ Văn D2, bà Võ Thị Cà L2, bà Võ Hoa S, ông Võ Văn T2, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo bà Võ Yến L1 trình bày:*

Bà L1 và ông Võ Minh S1 kết hôn vào năm 1987 (ông S1 chết năm 2014). Năm 1987, bà và ông S1 được mẹ chồng là bà Lâm Thị Sáu (chết năm 1988) cho phần đất diện tích 16.500 m² tọa lạc tại ấp Rầy Mới, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, việc cho đất không làm giấy tờ nhưng tất cả anh chị em bên chồng đều biết. Đến năm 1993, ông S1 đăng ký sổ mục kê địa chính phần đất này. Bà và ông

S1 sử dụng đất từ năm 1987 đến năm 1996 thì cho vợ chồng bà V và ông Nhỏ mượn đất, việc cho mượn chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm giấy tờ. Đến năm 2014, ông S1 có đi đăng ký kê khai để xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ nhưng chưa được cấp thì ông S1 chết (việc này cũng không có gì chứng minh). Đến năm 2015, bà L1 đi làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất thì bà V và ông Nhỏ tranh chấp cho rằng đất của cha mẹ nên không cho làm quyền sử dụng đất. Năm 2015 ông Nhỏ chết, hiện tại đất do bà V và anh D1 (con bà V) đang quản lý sử dụng. Bà L1 khởi kiện yêu cầu bà V và anh D1 trả lại phần đất diện tích 10.000 m² ; phần còn lại diện tích 6.500 m² bà đồng ý giao cho bà V và anh D1 để trả công giữ gìn, đầu tư cải tạo và trừ 20 chỉ vàng 24K cổ đất (việc cổ đất bà L1 cho rằng bà không biết, do ông S1 trực tiếp giao dịch với vợ chồng bà V).

- Theo bà Ngô Thị V trình bày:

Bà V và Võ Văn Nhỏ chung sống với nhau năm 1985. Phần đất tranh chấp diện tích 16.500 m² nêu trên có nguồn gốc là của cha mẹ chồng chết để lại; cha mẹ chồng chết không có để lại di chúc. Bà và ông Nhỏ quản lý sử dụng phần đất này từ khi mẹ chồng chết năm 1988 đến nay, do các anh, chị, em bên chồng thống nhất giao cho vợ chồng bà canh tác và giữ dùm để thờ cúng cha mẹ chồng. Việc ông S1 đăng ký kê khai phần đất này vợ chồng bà không biết; đến năm 2015 bà L1 đăng ký xin cấp quyền sử dụng đất thì mới xảy ra tranh chấp. Bà V xác định phần đất trên là của cha mẹ chồng để lại, nên anh chị em chồng có quyền, chứ bà không có quyền gì. Bà V đồng ý giao phần đất 16.500m² nêu trên lại cho các anh chị em bên chồng để chia thừa kế; bà không có yêu cầu thành quả lao động, không yêu cầu công gìn giữ và cũng không yêu cầu chia thừa kế trong phần đất này vì vợ chồng bà đã nhận phần đất 31.000m². Trước đây bà trình bày ông S1 chuyển nhượng đất cho bà là không có, sự thật là ông S1 và bà L1 có mượn của vợ chồng bà 02 lượng vàng 24k, bà không yêu cầu trong vụ án này.

- Anh Võ Hải D1 thống nhất nội dung trình bày và yêu cầu của bà V.

- Bà Võ Hoa S, Võ Thị Cà L2, Võ Hồng H, ông Võ Văn T2, ông Võ Văn D2 thống nhất với lời trình bày của bà V. Bà S, bà L2, bà H, ông T2, ông D2 xác định phần đất tranh chấp 16.500 m² nêu trên là di sản của cha mẹ để lại, yêu cầu bà V và anh D1 giao trả lại để chia thừa kế cho 06 anh em gồm ông T2, bà L2, bà S, bà H, ông D2, ông So (do bà Võ Yến L1 vợ của ông Võ Minh S1 và con ông S1 nhận) mỗi kỷ phần là 2.750 m², không chia cho bà V lý do vợ chồng bà V đã được cho diện tích đất 31.000m².

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:01/2021/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của đồng nguyên đơn. Buộc bà Ngô Thị V và anh Võ Hải D1, anh Võ Hải A, chị Võ Ngọc P2 có trách nhiệm giao lại phần đất là 10.000m² cho nguyên đơn bà Võ Yến L1, chị Võ Mai P1, chị Võ Phương T1, chị Võ Huyền T3.

Vị trí và tứ cạnh như sau: cạnh ngang giáp với phần đất còn lại là 57,43m; cạnh ngang giáp với thửa 294 là 64,53m; cạnh dài một phần giáp với thửa 292 và 1

phần giáp với thửa 303, 293 là 164,06m; cạnh dài giáp thửa 49 là 164.01m. Tổng diện tích là 10.000m² thuộc thửa 41, tờ bản đồ số 14 tại ấp Rẫy Mới, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Nguyên đơn có quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật (kèm theo sơ đồ thửa đất).

Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Võ Văn T2, bà Võ Thị Cà L2, bà Võ Hoa S, ông Võ Văn D2, bà Võ Hồng H yêu cầu chia thừa kế mỗi người là 2.750m².

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời có quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần nội dung và án phí.

Ngày 18/01/2021, bà Ngô Thị V, anh Võ Hải D1, bà Võ Hồng H kháng cáo; ngày 19/01/2021 bà Võ Hoa S, ông Võ Văn T2, bà Võ Thị Cà L2, ông Võ Văn D2 có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông T2, bà L2, bà H, bà S, ông D2.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Ngô Thị V, anh Võ Hải D1, bà Võ Hồng H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị về phần nội dung.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Bà V phát biểu: Việc ông Nhỏ đăng ký mục kê năm 1993 đối với diện tích đất 16.500m² anh em trong gia đình không ai biết; bà L1 đi nơi khác sinh sống từ năm 1988.

Anh D1, bà H, bà L1 không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản Điều 278, Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời; Không chấp nhận kháng cáo của bà V, anh D1, bà H, bà S, ông T2, bà Cà Lây, ông D2, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời về phần nội dung. Căn cứ khoản 3 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị về nội dung của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời.

[2] Xét kháng cáo của bà Ngô Thị V, anh Võ Hải D1, bà Võ Hồng H, bà Võ Hoa S, ông Võ Văn T2, bà Võ Thị Cà L2, ông Võ Văn D2, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất, các đương sự đều thừa nhận là của cụ Võ Văn Tâm và cụ Lâm Thị Sáu tạo lập, có tổng diện tích là 47.500m² tọa lạc tại ấp Xóm Rẫy, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời. Cụ Tâm chết năm 1983, cụ Sáu chết năm 1988, không để lại di chúc.

[2.2] Bà L1 cho rằng năm 1987, vợ chồng bà Ly và ông Võ Minh S1 được cụ Sáu cho diện tích đất 16.500m², vợ chồng bà L1 quản lý sử dụng đến năm 1996 thì cho vợ chồng bà V và ông Võ Văn Nhỏ mượn canh tác. Quá trình giải quyết vụ án, bà L1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc cụ Sáu cho đất cũng như việc vợ chồng bà L1 cho vợ chồng bà V mượn đất canh tác như bà L1 trình bày ngoài việc ông S1 là chồng bà đứng tên Sổ mục kê năm 1993. Việc ông S1 đứng tên Sổ mục kê năm 1993 chưa phải là căn cứ pháp lý để xác định ông S1 được cho đất và xác định phần đất là của ông S1.

[2.3] Trong khi đó bà V và các người con của cụ Tâm, cụ Sáu như ông T2, bà L2, bà S, bà H, ông D2 đều xác định sau khi cụ Tâm và cụ Sáu qua đời thì toàn bộ diện tích đất 47.500m² giao cho vợ chồng bà V và ông Nhỏ quản lý sử dụng từ năm 1988 đến nay. Năm 1993, các anh em họp lại thống nhất giao cho ông Nhỏ diện tích 31.000m² để thờ cúng cha mẹ, phần còn lại 16.500m² chưa chia cho ai, vẫn còn là di sản thừa kế của cha mẹ để lại.

[2.4] Tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận phần đất diện tích 31.000m² anh em thống nhất giao cho ông Nhỏ, năm 1993 do ông S1 là người đi làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho ông Nhỏ. Nếu có việc ông S1 và bà L1 được cụ Sáu cho diện tích đất 16.500m² nêu trên, thì vì sao ông S1 chỉ làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất dùm cho ông Nhỏ, mà không làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất cho ông S1 đối với phần đất được cho.

[2.5] Hơn nữa, xét về quá trình quản lý sử dụng đất của bà L1 và ông S1: Nếu theo bà L1 trình bày thì từ năm 1996 đến khi xảy ra tranh chấp bà L1 có đơn khởi kiện (năm 2018) thời gian khoảng 22 năm gia đình bà L1 không quản lý sử dụng đất; Nếu theo bà V, ông T2, bà L2, bà S, bà H, ông D2 trình bày thì từ năm 1988 đến khi xảy ra tranh chấp bà L1 có đơn khởi kiện (năm 2018) thời gian khoảng 30 năm gia đình bà L1 không quản lý sử dụng đất. Điều này cho thấy gia đình bà L1 không có nhu cầu sử dụng đất, gia đình bà L1 cũng không thực hiện quyền nghĩa vụ của mình đối với phần đất nêu trên. Bà L1 cho rằng năm 2014 ông S1 có đi đăng ký làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất nhưng chỉ trình bày bằng lời nói chứ cũng không có tài liệu gì chứng minh.

[2.6] Đối với Công văn số: 320/UBND ngày 27/11/2020 của Ủy ban nhân dân xã Phong Điền thể hiện có nội dung: Năm 1987 bà L1 và ông S1 được mẹ là cụ Sáu cho một phần đất, đến năm 1993 ông S1 có đăng ký trên mục kê địa chính, diện tích là 16.500m², vợ chồng ông S1 và bà L1 sử dụng đất đến năm 1996 thì cho ông Nhỏ (em ông S1) mượn lại canh tác ... Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã Phong Điền cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì thể hiện bà L1 và ông S1 được cụ Sáu cho đất và năm 1996 ông S1 và bà L1 cho ông Nhỏ mượn lại canh tác như nội dung công văn nêu. Hơn nữa, nội dung công văn nêu hoàn toàn không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên không thể xem đây là chứng cứ để chứng

minh cho yêu cầu của bà L1 là có căn cứ.

[2.7] Như đã phân tích trên, chưa có căn cứ chứng minh bà L1 và ông S1 được cụ Sáu cho diện tích đất 16.500m² nêu trên vào năm 1987 và bà L1, ông S1 cho vợ chồng bà V, ông Nhỏ mượn canh tác như bà L1 trình bày. Việc bà L1 yêu cầu bà V và anh D1 giao trả lại đất là không phù hợp với quy định pháp luật về đất đai. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà L1 và các đồng nguyên đơn buộc bà V và anh D1 trả lại diện tích đất 10.000m² là không phù hợp. Do đó, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của bà L1 và các đồng nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Vay phần đất diện tích 16.500m² nêu trên được xác định là di sản thừa kế của cụ Tâm, cụ Sáu để lại chưa được phân chia; do đó, việc ông T2, bà L2, bà S, bà H, ông D2 (là con của cụ Tâm và cụ Sáu) yêu cầu bà V và anh D1 giao trả lại và yêu cầu chia thừa kế là phù hợp với quy định pháp luật, được chấp nhận.

[4] Cụ Tâm và cụ Sáu có 08 người con gồm: ông Võ Văn T2, ông Võ Hồng Tư (chết năm 21 tuổi, không có vợ con), bà Võ Thị Cà L2, ông Võ Minh S1(chết năm 2014), ông Võ Văn Nhỏ (chết năm 2015), bà Võ Hoa S, bà Võ Hồng H, ông Võ Văn D2. Do ông Tư chết trước cụ Tâm và cụ Sáu, nên hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tâm và cụ Sáu còn lại 07 người. Hàng thừa kế thứ nhất của ông S1 gồm bà L1, chị P1, chị T1 và chị T3; hàng thừa kế thứ nhất của ông Nhỏ gồm bà V, anh D1, chị P2 và anh A. Do hàng thừa kế của ông Nhỏ không có yêu cầu chia di sản, nên phần di sản là diện tích đất 16.500m² nêu trên được chia cho 06 kỳ phần, mỗi kỳ phần tương ứng với diện tích là 2.750m². Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông T2, bà L2, bà S, bà H, ông D2 là không phù hợp. Do đó, cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của ông T2, bà L2, bà S, bà H, ông D2 là có căn cứ.

[5] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời đối với bản án sơ thẩm về phần án phí, xét thấy: Án sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp là của bà L1 và ông S1 cho bà V và ông Nhỏ mượn canh tác, nên buộc bà V và anh D1 trả lại đất; đồng thời không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông T2, bà L2, bà H, bà S, ông D2. Đáng lẽ ra án sơ thẩm buộc các đương sự phải chịu án phí không giá ngạch quy định tại khoản 1 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326 mới đúng, nhưng án sơ thẩm buộc các đương sự phải chịu án phí có giá ngạch là chưa chính xác. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời là có căn cứ, được chấp nhận.

[6] Ngoài ra, cấp phúc thẩm xét thấy cần phải sửa bản án sơ thẩm đối với tư cách tham gia tố tụng của đương sự đối với Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T4, cụ thể: Phần đất tranh chấp giữa các đương sự chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không có xem xét việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hủy quyết định cá biệt của Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T4, nhưng cấp sơ thẩm lại đưa Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T4 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chưa chính xác. Do đó, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không đưa Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T4 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[7] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà V, anh D1, bà H, bà S, ông T2, bà Cà Lây, ông D2; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời; sửa bản án sơ thẩm là phù hợp.

[8] Do sửa án sơ thẩm nên phân chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm các đương sự phải chịu được điều chỉnh lại theo quy định pháp luật.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà V, anh D1, ông T2, bà L2, bà H, bà S, ông D2 không phải chịu. Ông T2, bà L2 là người cao tuổi đã được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm; bà V, anh D1, bà H, bà S, ông D2 đã dự nộp được nhận lại.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 289, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời đối với bản án sơ thẩm về phần nội dung.

Chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị V, anh Võ Hải D1, bà Võ Hồng H, bà Võ Hoa S, ông Võ Văn T2, bà Võ Thị Cà L2, ông Võ Văn D2.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời đối với bản án sơ thẩm về phần án phí.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Võ Yến L1, chị Võ Mai P1, chị Võ Phương T1, chị Võ Huyền T3 về việc buộc bà Ngô Thị V và anh Võ Hải D1 giao trả lại phần đất diện tích 10.000m² thuộc thửa 41, tờ bản đồ số 14 tại ấp Rẫy Mới, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn T2, bà Võ Thị Cà L2, bà Võ Hồng H, bà Võ Hoa S, ông Võ Văn D2. Buộc bà Ngô Thị V, anh Võ Hải D1 giao trả lại diện tích đất 16.500m² tọa lạc tại ấp Xóm Rẫy, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời do cụ Tâm và cụ Sáu để lại để chia thừa kế.

+ Phân chia cho ông Võ Văn T2 được hưởng diện tích đất 2.750m². Phần đất có ranh giới, kích thước: Cạnh giáp thửa 294 ngang 64,53m; cạnh giáp thửa 292 dài 43,25m; cạnh giáp thửa 49 dài 43,25m; cạnh giáp phần đất còn lại ngang 62,65m.

+ Phân chia cho bà Võ Thị Cà L2 được hưởng diện tích đất 2.750m². Phần đất có ranh giới, kích thước: Cạnh giáp với phần đất phân chia cho ông T2 ngang

62,65m; cạnh giáp thửa 303 dài 44,60m; cạnh giáp thửa 49 dài 44,58m; cạnh giáp phần đất còn lại ngang 60,72m.

+ Phân chia cho bà Võ Hồng H được hưởng diện tích đất 2.750m². Phần đất có ranh giới, kích thước: Cạnh giáp với phần đất phân chia cho bà L2 ngang 60,72m; cạnh giáp thửa 293 dài 46,06m; cạnh giáp thửa 49 dài 46,05m; cạnh giáp phần đất còn lại ngang 58,72m.

+ Phân chia cho bà Võ Hoa S được hưởng diện tích đất 2.750m². Phần đất có ranh giới, kích thước: Cạnh giáp phần đất phân chia cho bà H ngang 58,72m; cạnh giáp thửa 293 dài 47,70m; cạnh giáp thửa 49 dài 47,68m; cạnh giáp phần đất còn lại ngang 56,67m.

+ Phân chia cho ông Võ Văn D2 được hưởng phần đất diện tích 2.750m². Phần đất có ranh giới, kích thước: Cạnh giáp phần đất phân chia cho bà S ngang 56,67m; cạnh giáp thửa 293 dài 49,50m; cạnh giáp thửa 49 dài 49,49m; cạnh giáp phần đất còn lại ngang 54,50m.

+ Phân chia cho bà Võ Yến L1, chị Võ Mai P1, chị Võ Phương T1, chị Võ Huyền T3 phần đất diện tích 2.750m². Phần đất có ranh giới, kích thước: Cạnh giáp phần đất phân chia cho ông D2 ngang 54,50m; cạnh giáp thửa 293 dài 51,50m; cạnh giáp thửa 49 dài 51,50m; cạnh còn lại giáp thửa 41 ngang 52,29m.

(có sơ đồ thửa đất kèm theo)

- Chi phí thẩm định, định giá bà Võ Yến L1, chị Võ Mai P1, chị Võ Phương T1, chị Võ Huyền T3 phải chịu số tiền 6.103.000 đồng (đã nộp xong).

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Yến L1, chị Võ Mai P1, chị Võ Phương T1, chị Võ Huyền T3 phải chịu án phí không giá ngạch số tiền 300.000 đồng và án phí có giá ngạch 2.750.000 đồng; bà L1 đã dự nộp 4.125.000 đồng theo biên lai thu số 0008703 ngày 20/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời đối trừ được nhận lại 1.075.000 đồng.

Ông Võ Văn T2, bà Võ Thị Cà L2 được miễn chịu án phí.

Bà Võ Hồng H, bà Võ Hoa S, ông Võ Văn D2 mỗi người phải chịu số tiền 2.750.000 đồng; bà H, bà S, ông D2 mỗi người đã dự nộp 1.375.000 đồng, đối trừ mỗi người còn phải nộp tiếp 1.375.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: bà Ngô Thị V, anh Võ Hải D1, bà Võ Hồng H, bà Võ Hoa S, ông Võ Văn T2, bà Võ Thị Cà L2, ông Võ Văn D2 không phải chịu. Ngày 18/01/2021 bà V, anh D1, bà H mỗi người đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004554, 0004555, 0004556 và ngày 20/01/2021 bà S, ông D2 mỗi người đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004566, 0004565 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập